

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Tên Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 3 - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia.
E-ĐKC 1.7	- Công trình bao gồm: 1/ Danh mục: Đường dây 220kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm mạch kép, hạng mục: Thay dây cáp quang bị hư hỏng; 2/ Danh mục: Đường dây 220kV Krông Búk-Nha Trang (mạch đơn), hạng mục: Thay thế cách điện Composite bị hư hỏng; 3/ Danh mục: Đường dây 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (mạch kép), hạng mục: Thay dây chống sét và phụ kiện dây chống sét, dây cáp quang bị rỉ sét; 4/ Danh mục: Hệ thống mạng WAN của Truyền tải điện Khánh Hòa, hạng mục: Sửa chữa tuyến cáp quang từ Trụ sở Công ty Truyền tải điện 3 đến TBA 110kV Nha Trang.
E-ĐKC 1.10	- Địa điểm Công trường: 1/ Danh mục: Đường dây 220kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm mạch kép, hạng mục: Thay dây cáp quang bị hư hỏng: Các vị trí cột nằm trên địa bàn xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng; các xã Cà Ná, Thuận Nam, Phước Hà, Phước Hữu, Mỹ Sơn, Xuân Hải, Thuận Bắc phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa. 2/ Danh mục: Đường dây 220kV Krông Búk-Nha Trang (mạch đơn), hạng mục: Thay thế cách điện Composite bị hư hỏng: Các vị trí cột nằm trên địa bàn các xã Tây Ninh Hòa, Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. 3/ Danh mục: Đường dây 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (mạch kép), hạng mục: Thay dây chống sét và phụ kiện dây chống sét, dây cáp quang bị rỉ sét: Các vị trí cột nằm trên địa bàn xã Đại Lãnh, tỉnh Khánh Hòa. 4/ Danh mục: Hệ thống mạng WAN của Truyền tải điện Khánh Hòa, hạng mục: Sửa chữa tuyến cáp quang từ Trụ sở Công ty Truyền tải điện 3 đến TBA 110kV Nha Trang: Địa bàn thi công nằm trên địa bàn các phường Nha Trang, Nam Nha Trang tỉnh Khánh Hòa.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu (bao gồm ngày nghỉ và ngày lễ).
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu (bao gồm ngày nghỉ và ngày lễ).
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là:
E-ĐKC 1.29	Tư vấn giám sát là: Công ty Truyền tải điện 3 tự giám sát
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Các văn bản, tài

	liệu khác phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII hoặc mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong và nộp cho Chủ đầu tư muộn nhất trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng 21 ngày. - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trước hoặc vào ngày ký kết hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo đảm hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng theo đúng quy định của hợp đồng; + Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. - Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng: Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ:

E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT. - Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 14 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của nhà thầu chính hoặc tổng thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn chịu trách nhiệm sửa chữa sai sót công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu, mua bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Mức bảo hiểm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Tất cả các chi phí bảo hiểm được hạch toán vào chi phí của nhà thầu và đã bao gồm trong giá dự thầu. - Nhà thầu phải thay mặt Chủ đầu tư mua bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng, cung cấp đầy đủ hợp đồng và chứng chỉ/giấy chứng nhận bảo hiểm xây dựng công trình. Tên đơn vị thụ hưởng là: Công ty Truyền tải điện 3 - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia. - Nhà thầu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng theo yêu cầu tại Chương V E-HSMT. Nhà thầu phải xuất trình đầy đủ hồ sơ bảo hiểm công trình (bao gồm chứng nhận bảo hiểm của đơn vị bảo hiểm) hợp lệ cho Chủ đầu tư để đảm bảo điều kiện khởi công công trình, Chủ đầu tư có thể xem xét xử lý vi phạm hợp đồng về tiến độ nếu Nhà thầu có lỗi trong việc chậm trễ cung cấp hồ sơ bảo hiểm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của công trình. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện các trách nhiệm liên quan khi xảy ra sự kiện bảo hiểm - Khi xảy ra Sự kiện bảo hiểm, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các công việc, thủ tục, yêu cầu... với đơn vị bảo hiểm để bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng bảo hiểm công trình, hạn chế tối đa việc gián đoạn hay kéo dài tiến độ thực hiện công trình do xảy ra sự kiện bảo hiểm. - Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm cho tất cả tổn thất của công trình trong thời gian xây dựng các hạng mục theo quy định do bất kỳ nguyên nhân nào trừ những trách nhiệm được loại trừ theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính Phủ. - Hợp đồng bảo hiểm phải tuân thủ quy định bảo hiểm hiện hành.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: Tối thiểu 24 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Đã được nêu chi tiết tại ĐKCT 1.10
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng tại thực địa cho Nhà thầu.

E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Sau thời gian hòa giải nếu Chủ đầu tư và Nhà thầu không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Chủ đầu tư để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Tòa án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Tòa án. Luật áp dụng: Luật Việt Nam.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: Ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu. - Ngày hoàn thành dự kiến: 90 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu.
E-ĐKC 29.1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng. - Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tăng cường thêm 50% nhân lực, máy móc thiết bị thi công và sẽ thông báo Nhà thầu trước 05 ngày mà không có chi phí tăng thêm. - Nội dung của bảng tiến độ thi công chi tiết lập cho toàn bộ công trình và cho từng hạng mục công việc. - Bảng tiến độ thi công chi tiết này là cơ sở cho việc xác định trách nhiệm các bên liên quan đến chậm tiến độ, vì vậy yêu cầu Nhà thầu lập tiến độ chi tiết cho từng giai đoạn: Giao mặt bằng của Chủ đầu tư, giao VTTB của Chủ đầu tư, thi công nghiệm thu công việc, nghiệm thu hạng mục.... - Bảng thuyết minh của Nhà thầu phải mô tả rõ bố trí công trường, bố trí máy móc thi công, bố trí nhân lực, các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và các yêu cầu hợp tác với Chủ đầu tư, các bên liên quan khác. - Trường hợp Nhà thầu không trình tiến độ thi công chi tiết công trình sẽ được xem là nguyên nhân dẫn đến chậm tiến độ thi công hoàn thành công trình theo hợp đồng do lỗi Nhà thầu. - Trong vòng 07 ngày sau khi nhận được văn bản thỏa thuận bảng tiến độ thi công xây dựng công trình, nếu Chủ đầu tư không trả lời thì xem như Chủ đầu tư chấp thuận nội dung bảng tiến độ do Nhà thầu đệ trình. Chủ đầu tư chịu mọi trách nhiệm đối với tiến độ bàn giao mặt bằng, cung cấp bản vẽ theo đề xuất của Nhà thầu tại Bảng tiến độ đã trình. - Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư mời Nhà thầu thương thảo chi tiết về bảng tiến độ thi công công trình nhưng không quá 05 ngày kể từ ngày Nhà thầu trình bảng tiến độ cho Chủ đầu tư. - Khi Chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, chậm giao vật tư thiết bị cho từng hạng mục thi công, tổ chức nghiệm thu,... thì Nhà thầu có quyền lùi tiến độ thi công các hạng mục công việc đó với thời gian tương ứng. - Trong quá trình thực hiện nếu vi phạm tiến độ cam kết và nếu việc điều chỉnh tiến độ hạng mục có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành công trình thì tại bất kỳ thời điểm nào, mỗi bên đều có quyền

	<p>yêu cầu bên kia thương thảo lại về tiến độ hoàn thành công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Nhà thầu không chủ động đánh giá và yêu cầu thương thảo lại tiến độ hoàn thành công trình thì vì bất kỳ lý do nào dẫn đến chậm tiến độ hạng mục công trình, Nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm về việc chậm trễ hoàn thành công trình.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + Vào ngày thứ 4 hàng tuần Nhà thầu phải có báo cáo tình hình thi công, tiến độ thi công tuần (theo mẫu do Chủ đầu tư quy định). + Vào ngày thứ 4 của tuần cuối cùng hàng tháng, Nhà thầu báo cáo tình hình thi công và cập nhật tiến độ thi công tháng (theo mẫu do Chủ đầu tư quy định). + Trong các báo cáo Nhà thầu phải đánh giá các công việc chậm theo tiến độ đã cam kết, đề xuất điều chỉnh tiến độ. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: Nếu Nhà thầu không trình bảng tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền là do việc chậm nộp kế hoạch thi công đã cập nhật là: 30.000.000 VNĐ.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp bất khả kháng. - Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. - Chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công theo đúng tiến độ cam kết. - Nếu Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu theo tiến độ xây dựng mà Nhà thầu đã đăng ký và được Chủ đầu tư chấp thuận thì thời gian thực hiện HĐ sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian chậm bàn giao mặt bằng trong từng giai đoạn. - Chủ đầu tư/Nhà thầu đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của pháp luật nhưng các cơ quan có thẩm quyền giải quyết không đảm bảo thời gian quy định. - Do sự thay đổi về yêu cầu tiến độ đưa vào sử dụng công trình nhằm đồng bộ với các công trình khác/nhiệm vụ kinh tế xã hội khác.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p>Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ kho bãi để tiếp nhận vật tư chuẩn bị thi công. Vật tư sau khi tiếp nhận và lưu kho của Nhà thầu phải được bảo quản đầy đủ để đảm bảo chất lượng khi đưa vào thi công.</p> <p>Nhà thầu phải đảm bảo tất cả các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ phải được kiểm soát chất lượng theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, yêu cầu thiết kế, quy định của hợp đồng xây dựng và các tài liệu có liên quan.</p> <p>Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</p> <p>Máy móc, thiết bị: Máy móc thiết bị phải có kiểm định theo quy định.</p> <p>Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p>

	Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị Hợp đồng (trước thuế GTGT), theo hình thức chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền, trong vòng 14 ngày khi nhà thầu xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị tạm ứng. + Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo Mẫu số 15 Chương VIII - E-HSMT hoặc mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận). + Bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (Theo Mẫu số 16 Chương VIII - E-HSMT hoặc mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận) với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng và có hiệu lực từ khi phát hành cho đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tạm ứng. + Giấy chứng nhận bảo hiểm xây dựng công trình. <p>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư muộn nhất trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng 21 ngày. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</p> <p>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. + Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. + Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. <p>- Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp</p>

	đồng.
E-ĐKC 44.1	<p>1. Nguyên tắc thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị thanh toán đối với hợp đồng trọn gói: Là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng xây lắp hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu nhân với đơn giá hợp đồng; - Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm xác nhận vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu. <p>2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam, Nhà thầu chịu phí chuyển tiền.</p> <p>3. Phương thức thanh toán:</p> <p>a) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho từng đợt thanh toán do Nhà thầu cung cấp và Chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền cung cấp vốn và nhà thầu đáp ứng đầy đủ các điều kiện thanh toán của từng đợt.</p> <p>b) Số lần thanh toán: tối đa 02 lần (bao gồm tạm ứng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đợt 01: Chủ đầu tư thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu theo điều khoản tạm ứng của Hợp đồng quy định tại E-ĐKC 42.1. - Đợt 02: Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị quyết toán theo khối lượng hoàn thành của hợp đồng (có khấu trừ tiền thanh toán tạm ứng) sau khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ khối lượng hạng mục công trình theo hợp đồng và được nghiệm thu đưa vào sử dụng. <p>Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật</i> (theo đúng biểu mẫu đã quy định) gồm: Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng (kèm phiếu yêu cầu nghiệm thu); Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình; Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) và nhà thầu. ▪ <i>Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm</i> so với hợp đồng có xác nhận của đại diện Nhà thầu và Chủ đầu tư (nếu có). ▪ <i>Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng</i> (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ giá trị hợp đồng, giá trị quyết toán hoàn thành theo hợp đồng mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu, có xác nhận của đại diện hợp pháp của các bên (biểu mẫu đúng theo quy định hiện hành của pháp luật và của ngành). ▪ <i>Bản vẽ hoàn công do bên B lập và có xác nhận của bên A</i>, kèm biên bản bàn giao bản vẽ hoàn công. ▪ <i>Hóa đơn tài chính theo quy định pháp luật hiện hành tương ứng với giá trị hoàn thành.</i> ▪ <i>Cam kết bảo hành công trình</i> (theo mẫu quy định). ▪ <i>Bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng về số tiền bảo hành công trình</i> (Số tiền bảo hành công trình bằng 5% giá trị quyết toán để bảo hành công trình theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP, ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ). ▪ Nhật ký thi công công trình. ▪ Biên bản thanh lý hợp đồng. ▪ Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu. <p>4. Bảo hành công trình:</p> <p>a. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và được</p>

	<p>xác định là 24 tháng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Nhà thầu.</p> <p>b. Yêu cầu về bảo hành công trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. - Mức tiền cam kết bảo hành công trình: Nhà thầu có trách nhiệm nộp bảo đảm bảo hành cho công trình với giá trị là 05% (năm phần trăm) giá trị quyết toán hợp đồng. <p>c. Hình thức bảo hành: Thư bảo lãnh bảo hành (<i>Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang được phát hành bởi ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam</i>).</p> <p>d. Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu.</p> <p>đ. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư muộn nhất trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm quyết toán và xuất hóa đơn, nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định tại thời điểm quyết toán và xuất hóa đơn.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% giá trị quyết toán hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh của Ngân hàng.</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Không.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà</p>

	thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>a) Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quy định (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Nhà thầu sẽ bị phạt 0,5% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định trong hợp đồng này.</p> <p>- Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện hợp đồng thì bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>b) Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng tương tự khi tổ chức đấu thầu các gói thầu thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy định của Tập đoàn khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá. + Quy định của Tập đoàn về việc áp dụng kết quả đánh giá.
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”.</p> <p>Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình theo quy định tại điều 146 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Giá trị bồi thường thiệt hại được tính toán theo giá trị thực tế của các thiệt hại mà bên vi phạm hợp đồng gây ra.</p>
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 03 ngày kể từ khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 55.1	Nhà thầu nộp bản vẽ hoàn công công trình trong vòng 05 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 30.000.000 Việt Nam Đồng.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

